

Số: 27/BC-UBND

Thanh Trì, ngày 03 tháng 12 năm 2018

## BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 và mục tiêu, nhiệm vụ,  
giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019

### Phần thứ nhất

## TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2018:

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 15/12/2017 của BCH Đảng bộ huyện về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ năm 2018, Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/12/2017 của HĐND huyện về mục tiêu nhiệm vụ giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; Chương trình hành động số 01/CTr-UBND ngày 13/2/2018 của UBND tỉnh. Trên cơ sở kế hoạch đề ra, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo điều hành thực hiện tốt giải pháp phát triển kinh tế xã hội năm 2018.

Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 132,62 triệu đồng - đạt 100,47% so nghị quyết HĐND; giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 2.818 tỷ đồng (giá so sánh 2010) - đạt 100% so nghị quyết HĐND. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội 3.900 tỷ đồng - đạt 100%; lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, các chính sách an sinh xã hội luôn được quan tâm và thực hiện kịp thời, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định. Kết quả cụ thể đạt được ở các lĩnh vực như sau:

#### 1. Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

Năm 2018, huyện đã gieo trồng được 55.550 ha lúa (tính theo năm lương thực) - đạt 101%, năng suất bình quân 6,64 tấn/ha - đạt 100% chỉ tiêu nghị quyết; tổng sản lượng lúa cả năm đạt 368.852 tấn - đạt 101%. Có 20.592 ha lúa được liên kết sản xuất, chiếm 37,07% so diện tích sản xuất

Diện tích trồng màu 10.665 ha (tăng 403 ha so cùng kỳ) - đạt 102,55% nghị quyết, năng suất đạt 16 tấn/ha, sản lượng đạt 170.640 tấn. Từ nguồn vốn nông lâm thủy huyện đã triển khai thực hiện 67/75 ha màu xuống ruộng, triển khai 02 mô hình trồng rau bằng phân hữu cơ trong nhà lưới (500 m<sup>2</sup>/mô hình). Mô hình màu xuống ruộng có hiệu quả và lợi nhuận khá cao (dưa hấu lợi nhuận khoảng 34-50 triệu đồng/ha, các loại rau màu khác lợi nhuận khoảng 60 triệu đồng/ha).

Chăn nuôi tiếp tục phát triển: Đàn heo 49.654 con - đạt 101,33% (tăng 2.149 con so cùng kỳ); đàn trâu, bò 10.416 con - đạt 101,13% (tăng 104 con so cùng kỳ), trong đó đàn bò 6.868 con; đàn gia cầm 1.236.000 con - đạt 103% (giảm 11.017 con so cùng kỳ). Thực hiện tốt công tác tiêm phòng, tiêu độc khử trùng, kiểm soát giết mổ, vận chuyển gia súc gia cầm và quản lý tổng đàn, đảm bảo ngăn ngừa dịch bệnh nên trong năm không có dịch bệnh nguy hiểm xảy ra trên địa bàn.

Diện tích nuôi trồng thủy sản 4.028ha - đạt 100,7% (giảm 768 ha so cùng kỳ). Tổng sản lượng nuôi trồng và khai thác 10.090 tấn.

Trong năm 2018 từ các nguồn vốn như: Vốn nông lâm thủy, vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn tỉnh hỗ trợ và vốn đối ứng của người dân 6,5 tỷ đồng huyện đã triển khai các mô hình ứng dụng sản xuất như mô hình lúa đặc sản, lúa hữu cơ, mô hình trồng rau trong nhà lưới, mô hình trồng khóm vùng trũng phèn, mô hình chăn nuôi dê, bò sinh sản, mô hình thủy sản... . Hiện nay các mô hình phát triển tốt và cho thu nhập khá ổn định góp phần cải thiện đời sống của nhân dân.

Nhằm triển khai thực hiện tốt công tác chuyển giao, áp dụng kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, trong năm huyện đã tổ chức 109 lớp tập huấn, 53 cuộc hội thảo đã thu hút trên 6.650 nông dân tham dự . Thành lập mới 25 tổ KTHT, theo đó đã giải thể 47 tổ KTHT không hoạt động và hoạt động không hiệu quả, lũy kế đến nay toàn huyện có 337 tổ KTHT, 13 HTX và 16 kinh tế trang trại (xóa tên 10 trang trại).

Về xây dựng Nông thôn mới. Ngoài 02 xã đã được công nhận, huyện đã triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng nông thôn mới cho các xã trên địa bàn, trong đó tập trung quyết liệt cho xã Thạnh Trị để đạt 19 tiêu chí nông thôn mới theo kế hoạch đề ra, hiện nay đã hoàn thành các tiêu chí, dự kiến tổ chức công nhận xã Nông thôn mới vào tháng 12/2018; các xã còn lại cơ bản đạt 16 tiêu chí. Bên cạnh đó huyện đang triển khai 04 dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020: Dự án chăn nuôi bò thịt, Dự án phát triển sản xuất lúa đặc sản theo hướng hữu cơ, Dự án khóm vùng trũng phèn, Dự án nhân giống lúa chất lượng cao.

Về công tác giao thông thủy lợi, hoàn thành nạo vét 37 công trình giao thông thủy lợi mùa khô với tổng chiều dài 33.490 mét, khối lượng đất đào, đắp 77.881 m<sup>3</sup> - đạt 108,8% kế hoạch (kế hoạch 34 công trình), các công trình đưa vào sử dụng đáp ứng yêu cầu phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp.

Trong năm, do mưa lớn kèm theo gió giật mạnh đã làm thiệt hại 30 căn nhà (12 căn thiệt hại trên 70%, 10 căn thiệt hại từ 50-70%, 02 căn thiệt hại từ 30-50% và 06 căn thiệt hại dưới 30%); Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện và UBND các xã, thị trấn kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ nhân dân khắc phục, ổn định đời sống.

## **2. Lĩnh vực Tài nguyên và môi trường.**

Trong năm 2018, đã cấp 3.760 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (326 giấy đăng ký ban đầu) lũy kế từ trước đến nay cấp được 56.799 giấy (35.107 giấy đăng ký ban đầu) với 26.415,18 ha đạt 99,9 % diện tích đất phải cấp. Hoàn thành công tác lập kế hoạch, thông báo công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Thạnh Trị.

Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền, vận động nhân dân nêu cao tinh thần tự giác, tích cực bảo vệ môi trường, đặc biệt là các hộ sản xuất - kinh doanh thực hiện tốt việc đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. Trong năm huyện đã cấp 71 giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, lũy kế đã cấp 710 giấy. Công tác kiểm tra vệ sinh môi trường được quan tâm thực hiện thường xuyên, qua đó nâng cao ý thức trách nhiệm của các cơ sở sản xuất kinh doanh và người dân trong công tác bảo vệ môi trường. Kiểm tra 115 cơ sở và 08 điểm trung chuyên rác, kết quả: phần lớn các cơ sở thực hiện khá tốt các quy định về bảo vệ môi trường, có 02 cơ sở vi phạm, đã cam kết khắc phục sửa chữa.

Tổ chức các hoạt động thiết thực hưởng ứng Tuần lễ quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường và tái tạo nguồn lợi thủy sản năm 2018, ngày Đất ngập nước thế giới năm 2018 và Ngày môi trường thế giới 5/6; tổ chức lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” trên địa bàn huyện.

Hoàn thành công tác thu hồi đất để triển khai các công trình dự án của huyện tổng số thu hồi là 17.133,8m<sup>2</sup> của 101 hộ gia đình, cá nhân.

### **3. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Thương mại - dịch vụ:**

Năm 2018, phát sinh 04 cơ sở sản xuất công nghiệp – TTCN, lũy kế 330 cơ sở với 749 lao động. Giá trị CN - TTCN của huyện đạt 181 tỷ đồng - đạt 100% nghị quyết. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội ước đạt 4.170 tỷ đồng - đạt 100% nghị quyết.

Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về sản xuất kinh doanh tại 360 cơ sở, qua kiểm tra có 100 cơ sở thực hiện tốt, 38 cơ sở chưa đảm bảo theo quy định cần phải nhắc nhở, chấn chỉnh. Phối hợp với các công ty xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh tổ chức các chuyến đưa hàng Việt về nông thôn phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân trên địa bàn, qua đó vận động nhân dân hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

Lắp đặt kéo điện mới cho 457 hộ - đạt 457% (95 hộ Khmer - đạt 316%). Vận động các doanh nghiệp, người dân tiết kiệm điện trong sản xuất kinh doanh và sinh hoạt hàng ngày, hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái đất năm 2018.

Tiếp nhận hồ sơ và cấp 91 giấy phép xây dựng, diện tích 10.272m<sup>2</sup>. Kiểm tra, phát hiện và xử lý 17 trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, chủ yếu là xây dựng lấn chiếm hành lang đường bộ, xây dựng sai giấy phép, số tiền xử phạt 250 triệu đồng (hiện nay còn 06 trường hợp chưa chấp hành với số tiền 105 triệu đồng).

Thực hiện tốt công tác điều tiết giao thông, sắp xếp ổn định trật tự bến bãi, phục vụ nhân dân nhất là nhân các dịp lễ tết (trong năm không có tình trạng ùn tắc giao thông diễn ra trên địa bàn).

### **4. Tài chính - ngân sách, Xây dựng cơ bản**

Tổng thu ngân sách huyện năm 2018 là 31.992 triệu đồng - đạt 105,58% kế hoạch và Nghị quyết. Thu các nguồn quỹ nhân dân đóng góp đạt và vượt kế hoạch. Tổng chi ngân sách huyện 472.423 triệu đồng, chủ yếu là chi thường xuyên và chi xây dựng cơ bản. Công tác quản lý điều hành thu - chi ngân sách được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định; thực hiện tốt chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Mặc dù có khó khăn về nguồn vốn đầu tư, nhưng Huyện ủy, UBND huyện đã tranh thủ sự quan tâm của UBND tỉnh cũng như sự hỗ trợ của các Sở ngành nên trong năm 2018 huyện đã triển khai được 97 công trình xây dựng cơ bản với tổng kế hoạch vốn 169.330 triệu đồng; ước đến cuối năm hoàn thành 92 công trình, còn lại 05 công trình chuyển tiếp thực hiện năm 2019; khối lượng thực hiện và giải ngân - đạt 100% so kế hoạch.

Hoạt động các ngân hàng trên địa bàn ngày càng hiệu quả, đã góp phần tích cực trong việc hỗ trợ người dân sản xuất, kinh doanh. Ngân hàng nông nghiệp và PTNT doanh số cho vay đạt 820.000 triệu đồng, thu nợ 790.000 triệu đồng. Tổng dư nợ 640.000 triệu đồng, nợ xấu chiếm 0,16%/tổng dư nợ. Ngân hàng CSXH doanh số cho vay 61.514 triệu đồng, thu nợ 49.643 triệu đồng. Tổng dư nợ 323.703 triệu đồng, trong đó nợ quá hạn chiếm 5,98% trên tổng dư nợ.

## 5. Lĩnh vực Văn hóa - xã hội :

Trong năm huyện đã thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của địa phương, đặc biệt là tổ chức tuyên truyền ý nghĩa lịch sử truyền thống cách mạng vẻ vang nhân các ngày lễ, kỷ niệm trọng đại của đất nước trên địa bàn huyện. Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ - TDTT lành mạnh thiết thực phục vụ đáp ứng nhu cầu hưởng thụ đời sống tinh thần cho nhân dân với nhiều hình thức và nội dung phong phú với mục tiêu hướng về cơ sở; bên cạnh đó huyện còn tham gia và đăng cai một số hoạt động mang tầm cấp tỉnh như: Liên hoan Tuyên truyền Lưu động tỉnh Sóc Trăng lần thứ 26, đăng cai một số môn thi đấu trong khuôn khổ Đại hội TDTT tỉnh Sóc Trăng; tham gia Đại hội TDTT tỉnh Sóc Trăng lần thứ VIII năm 2018, đạt giải ba toàn đoàn; tham gia các hoạt động trong khuôn khổ Lễ hội Oóc Om Bóc – Đua ghe Ngo tỉnh Sóc Trăng năm 2018, kết quả đạt giải khuyến khích Liên hoan nhạc Ngũ âm và múa dân gian Khmer, trưng bày giới thiệu sản phẩm; đạt giải nhất và giải nhì nội dung Đua ghe Ngo nam. Năm 2018, có 74/74 ấp đạt danh hiệu ấp văn hóa (công nhận mới 01 ấp, công nhận lại 07 ấp, giữ vững danh hiệu 66 ấp).

Chất lượng giáo dục - đào tạo trong năm có nhiều chuyển biến tích cực: Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp năm học 2018 - 2019 đạt 96,72% (19.779/20.450 em) cụ thể: Nhà trẻ: 219/250 cháu - đạt 87,60%; Mẫu giáo: 3.456/3.900 cháu - đạt 88,62%; Tiểu học 8.746/8.500 học sinh - đạt 102,29 %; THCS 5.192/5.500 học sinh - đạt 95,27%; THPT 2.166/2.300 học sinh - đạt 94,17%. Trong năm thực hiện sáp nhập trường Tiểu học Vĩnh Thành 1 vào Tiểu học Vĩnh Thành, hiện nay trên địa bàn huyện có 46 trường học (Mầm non 07 trường, Mẫu giáo 04 trường, Tiểu học 21 trường, Trung học cơ sở 11 trường), 01 trường THCS & THPT, và 02 trường THPT. Phát huy tốt vai trò của Hội Khuyến học, các tổ chức, mạnh thường quân trong công tác xã hội hóa giáo dục, trong năm đã vận động tài trợ giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với số tiền trên 775 triệu đồng từ đó góp phần lớn trong việc duy trì sĩ số học sinh và nâng cao hiệu quả đào tạo ở địa phương. Trong năm, có 02 trường (Mẫu giáo Thạnh Trị, Mầm non Hoa Hồng) được công nhận đạt chuẩn Quốc gia, lũy kế 28/46 trường - 60,86% trên tổng số trường và đạt 100% chỉ tiêu nghị quyết.

Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân luôn được quan tâm thực hiện tốt; công tác phòng chống dịch bệnh được quản lý theo dõi và kiểm soát chặt chẽ, số ca bệnh Sốt xuất huyết, tay - chân - miệng đều giảm so cùng kỳ, cụ thể: trong năm 2018 phát hiện, xử lý kịp thời 27 ca sốt xuất huyết (giảm 39 ca so cùng kỳ); bệnh tay - chân - miệng 70 ca, 11 ổ dịch (giảm 40 ca so cùng kỳ). Duy trì các tiêu chí đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, đến nay huyện có 10/10 xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã - đạt 100% kế hoạch. Toàn huyện số người tham gia BHYT 96.970 người, chiếm tỷ lệ 98,02% - đạt 100,02% chỉ tiêu tỉnh giao (Trong đó BHYT tự nguyện là 5.494 người, chiếm tỷ lệ 79,34% - đạt 99,05% chỉ tiêu tỉnh giao; BHYT bắt buộc đạt 97,99% - đạt 98,19% chỉ tiêu tỉnh giao). Tổ chức kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại 103 lượt cơ sở kinh doanh thực phẩm, 34 lượt căn tin trường học, phát hiện 16 cơ sở vi phạm các quy định an toàn thực phẩm cho các cơ sở cam kết và buộc khắc phục. Cấp 42 giấy chứng nhận cho cá nhân và 06 giấy chứng nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho các cơ sở, nâng tổng số 352 giấy chứng nhận cho cá nhân và 13 giấy chứng nhận các cơ sở.

Năm 2018 huyện đã triển khai kịp thời các chính sách an sinh xã hội; thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa như: tổ chức thăm viếng, chúc tết các Mẹ Việt Nam Anh hùng, gia đình chính sách tiêu biểu, người có công.... nhân các dịp lễ Tết với tổng số 2.900 phần quà trị giá trên 2.000 triệu đồng.

Triển khai hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2 (từ nguồn vốn Trung ương và địa phương) tổng số 618 căn (xây mới 443, sửa chữa 175 căn) với số tiền 21.220 triệu đồng.

Kết quả điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018 trên địa bàn huyện: Có 1.030 hộ thoát nghèo, phát sinh 34 hộ nghèo; thoát cận nghèo 764 hộ, phát sinh 529 hộ cận nghèo; hộ nghèo cuối năm 2.571 hộ - chiếm 11,56% (giảm 4,48%) (trong đó: Hộ khmer nghèo 1.388 hộ - chiếm 18,40% so tổng số hộ Khmer, giảm 7,04%). Hộ cận nghèo 2.909 hộ - chiếm 13,08%.

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm năm 2018 tiếp tục được duy trì và phát triển; dạy nghề với 1.549 người - đạt 238,31%; mở 22 lớp dạy nghề ngắn hạn với 569 người (các lớp chăn nuôi bò, đan ghế, gạch đất nung, may dân dụng...). Giới thiệu giải quyết việc làm mới 2.259 người - đạt 112,95% nghị quyết, lao động chủ yếu tham gia làm việc tại các công ty, xí nghiệp trong tỉnh và ngoài tỉnh, một số ít lao động tham gia ở các cơ sở dạy nghề tư nhân. Xuất khẩu lao động đã đưa 36 người tham gia xuất khẩu lao động - đạt 102,86% nghị quyết chủ yếu ở các thị trường quen thuộc như: Malaysia, Nhật Bản, Đài Loan, Lào...

#### **6. Quốc phòng - An ninh :**

Công tác phối hợp tuần tra, canh gác theo Nghị định 77/2010/NĐ-CP giữa ngành Công an và Quân sự được triển khai thường xuyên và mang lại hiệu quả cao. Tổ chức tốt công tác tuyển quân năm 2018 với 81 thanh niên - đạt 100% chỉ tiêu tình giao. Đón 69 quân nhân xuất ngũ về địa phương. Cấp giấy chứng nhận cho 365 công dân nữ có ngành nghề phù hợp với nhu cầu quân đội. Chỉ đạo diễn tập cho 03 xã Vĩnh Lợi, Vĩnh Thành và Lâm Tân, kết quả cả 03 đơn vị đều đạt loại giỏi. Triển khai kế hoạch chuyên hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự, an toàn trên địa bàn huyện năm 2018 tại xã Lâm Kiết, bước đầu mang lại kết quả rất khả quan, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã này có chuyển biến tích cực, dấu hiệu tội phạm, tệ nạn xã hội có chiều hướng giảm, năm 2019 và năm 2020 tiếp tục triển khai đến thị trấn Phú Lộc và thị trấn Hưng Lợi. Triển khai Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn huyện, kết quả đã thu thập 83% tổng số hộ, 85% tổng số nhân khẩu, phần đầu hoàn thành trước ngày 31/12/2018. Công nhận 64 đơn vị là xã, thị trấn, cơ quan, nhà trường, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự năm 2018.

Trong năm, đã phát hiện 35 vụ 37 đối tượng có dấu hiệu của tội phạm (trong đó, phạm pháp hình sự 30 vụ 33 đối tượng; 03 vụ 02 đối tượng phạm tội lĩnh vực kinh tế; 02 vụ 02 đối tượng tàng trữ trái phép chất ma túy); đã đấu tranh làm rõ 20 vụ, tỷ lệ khám phá đạt 57,14%. Về trật tự xã hội, bắt 23 vụ 151 đối tượng đánh bạc ăn tiền với nhiều hình thức; qua thử test, phát hiện 96 đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, kết quả xử lý các đối tượng theo quy định.

Về trật tự an toàn giao thông phát hiện 2.486 trường hợp vi phạm, phạt hành chính 2.265 trường hợp với tổng số tiền trên 1,5 tỷ đồng. Xảy ra 11 vụ tai nạn giao thông làm chết 08 người, bị thương 07 người (tăng 06 vụ, 04 người chết và 03 người bị

thương so cùng kỳ năm 2017). Về tai nạn xã hội, xảy ra 06 vụ, làm chết 06 người, nguyên nhân do điện giật 02 vụ, say rượu lội sông đuối nước 04 vụ.

#### **7. Thanh tra - Tư pháp - Nội vụ:**

Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân luôn được quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, thực hiện đúng qui định của pháp luật. Trong năm 2018 đã tiếp 123 lượt công dân đến yêu cầu, kiến nghị, phản ánh (Chủ tịch UBND huyện tiếp định kỳ 66 lượt). Tiếp nhận và giải quyết 01 đơn khiếu nại, 01 đơn tố cáo; tiếp nhận và giải quyết 03 đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền. Tổ chức 10 cuộc thanh tra theo kế hoạch, qua thanh tra đã phát hiện sai phạm và xử lý theo qui định pháp luật.

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được quan tâm chú trọng thực hiện thường xuyên và rộng khắp. Trong năm đã tổ chức được 264 cuộc tuyên truyền với 6.561 lượt người tham dự, nội dung tuyên truyền chủ yếu các văn bản Luật, dưới Luật, văn bản chỉ đạo mang tầm vĩ mô có tính chất lâu dài liên quan đến sinh hoạt đời sống sản xuất của người dân nhằm nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật của các tầng lớp nhân dân, qua đó góp phần làm giảm đáng kể các hành vi vi phạm pháp luật giúp ổn định trật tự xã hội. Công tác hòa giải cơ sở chất lượng ngày càng được nâng lên, đã tổ chức hòa giải thành 243/295 vụ - đạt 82%.

Thi hành án dân sự, đã thi hành xong 715/979 việc có điều kiện thi hành đạt 73,03%; số tiền đã thi hành 35.256 triệu đồng/51.440 triệu đồng có điều kiện giải quyết đạt tỷ lệ 68,54%.

Thực hiện tốt công tác phối hợp với Ban Dân vận, mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong các hoạt động theo chương trình và quy chế phối hợp hàng năm như: công tác tham gia xây dựng chính quyền, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong các cơ quan đơn vị, xã (TT)...trong năm đã công nhận chính quyền cơ sở đạt "trong sạch, vững mạnh" năm 2017 cho 09 đơn vị xã, thị trấn... thực hiện kê khai tài sản theo qui định. Tổ chức xét tuyển viên chức sự nghiệp giáo dục năm 2018 (giáo viên Mầm non), có 40 người trúng tuyển. Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác phù hợp chức năng nhiệm vụ và vị trí việc làm theo Nghị định 158/2007/NĐ-CP 12 trường hợp. Quyết định nghỉ việc theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP 11 trường hợp; đề nghị tỉnh phê duyệt tinh giản biên chế đợt 1 năm 2019 cho 11 trường hợp; hoàn thiện Đề án vị trí việc làm đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018. Giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ công chức viên chức như: nâng lương, nghỉ việc, nghỉ hưu... 1.893 trường hợp.

Xác định công tác cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của huyện, năm 2018 huyện đã chỉ đạo triển khai các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính tại địa phương: Chỉ đạo thực hiện nề nếp lề lối làm việc, đạo đức công vụ đối với công chức viên chức làm việc tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các xã (TT); giải quyết kịp thời, đúng hẹn thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả HSHC của huyện đảm bảo sự hài lòng của người dân; kết quả chỉ số cải cách hành chính huyện Thanh Trị năm 2017 đạt 80,04/98 điểm, đứng đầu các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh; tổ chức chấm điểm chỉ số CCHC cấp xã. Cử 433 cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch năm 2018. Công tác thi đua khen thưởng luôn kịp thời, từ đó đã khuyến khích, động viên các tập thể, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ. Năm 2018, tặng giấy

khen cho 63 tập thể và 408 cá nhân đạt thành tích trong các phong trào thi đua trên địa bàn huyện.

## **II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Nhìn chung, năm 2018 tình hình kinh tế - xã hội của huyện có nhiều chuyển biến tốt: Sản xuất nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng, thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp mang lại hiệu quả khả quan, nông dân sản xuất có lãi; 24/24 chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt và vượt so với kế hoạch và Nghị quyết HĐND. Công nghiệp - thương mại và dịch vụ tuy có khó khăn chung nhưng đảm bảo yêu cầu chỉ đạo. Thu ngân sách đạt chỉ tiêu đề ra. Lĩnh vực Văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT phong phú đa dạng từ hình thức đến nội dung, đáp ứng tốt nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân; đảm bảo các chính sách an sinh xã hội; giải quyết kịp thời các vấn đề xã hội phát sinh; giữ vững ổn định chính trị và quốc phòng an ninh trên địa bàn; công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân được kịp thời đúng qui định pháp luật. Tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, chất lượng, lề lối làm việc của cán bộ công chức ngày càng được nâng lên.

Bên cạnh kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện cũng còn những khó khăn nhất định: thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi chưa chuyên biến mạnh mẽ, giải pháp chưa đồng bộ; tổ chức sản xuất (hợp tác xã, tổ kinh tế hợp tác) một số nơi còn hình thức, kém hiệu quả; một số mô hình hỗ trợ sản xuất thiếu bền vững. Thu ngân sách tuy đạt nhưng nguồn thu trong cân đối còn khó khăn, chất lượng tín dụng ngân hàng chính sách xã hội nợ xấu, nợ quá hạn tăng cao. Cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm nên giá trị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khó khăn. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực xây dựng dân dụng còn lỏng lẻo, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính không kịp thời, thiếu triệt để. Giám nghèo thiếu bền vững, khả năng tái nghèo cao. Trật tự xã hội (trộm cắp), tệ nạn xã hội (ma túy) chiều hướng tăng, tỷ lệ phá án thấp, trật tự an toàn giao thông diễn biến phức tạp, tai nạn giao thông tăng so cùng kỳ. Vai trò tham mưu đề xuất của một số ngành chuyên môn chưa chủ động; công tác điều hành quản lý về mặt nhà nước một số xã, thị trấn chưa chặt chẽ; việc triển khai, tổ chức thực hiện ý kiến chỉ đạo của cấp trên đối với cơ sở ở một số mặt công tác chưa quyết liệt.

### **Phần thứ hai**

## **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019**

**I. MỤC TIÊU:** Xác định phát triển kinh tế nông nghiệp là trọng tâm: trong đó tập trung các giải pháp thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng liên kết sản xuất; nâng cao chất lượng hoạt động của các Hợp tác xã, tổ kinh tế hợp tác; tìm ra những mô hình sản xuất nông hộ mới và hiệu quả, góp phần tăng thu nhập cho nông dân. Kêu gọi, xúc tiến đầu tư, xã hội hóa gắn với thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất. Duy trì và phát triển lĩnh vực văn hóa xã hội gắn với thực hiện dân chủ, công bằng xã hội, nhất là thực hiện tốt các chính sách người có công, chính sách an sinh xã hội. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính, giải quyết khiếu nại, tố cáo, giữ vững an ninh quốc phòng - an ninh, trật tự xã hội.

## II. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

### \* *Chỉ tiêu kinh tế:*

1. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 142 triệu đồng (tính theo giá hiện hành).
2. Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản 3.022 tỷ đồng (tính theo giá so sánh).
3. Sản lượng lúa bình quân đạt 371.890 tấn/năm (trong đó: có 80% lúa đặc sản).
4. Sản lượng màu và cây công nghiệp ngắn ngày 170.864 tấn.
5. Đàn heo 60.700 con; tổng đàn trâu - bò: 11.600 con; đàn gia cầm 1.300.000 con. Sản lượng thủy sản 12.000 tấn.
6. Nâng cao chất lượng 3 xã được công nhận nông thôn mới (Vĩnh Lợi, Lâm Tân, Thạnh Trị); phấn đấu đạt cơ bản 19/19 chỉ tiêu nông thôn mới 2 xã Vĩnh Thành, Lâm Kiết; 1 xã nông thôn mới nâng cao xã Vĩnh Lợi; các xã còn lại đạt từ 16 tiêu chí trở lên.
7. Thành lập mới 01 Hợp tác xã, lũy kế năm 2019 là 14 hợp tác xã.
8. Giá trị sản xuất công nghiệp 250 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010).
9. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đạt 4.000 tỷ đồng.
10. Thu ngân sách nhà nước 30,2 tỷ đồng.

### \* *Chỉ tiêu xã hội:*

11. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ đạt 15%, Mẫu giáo đạt 93%. Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%; Trung học cơ sở 97%; Trung học phổ thông 70%.
12. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia đạt 68,89% (03 trường).
13. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 10%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,93%. Giảm tỷ suất sinh là 0,05‰.
14. Tỷ lệ xã, thị trấn đạt 10 tiêu chí Quốc gia về y tế là 100%. Tỷ lệ xã có bác sĩ phục vụ là 100%.
15. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98%; trong đó: tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình đạt 80,6%; tỷ lệ tham gia BHYT bắt buộc 99,9%.
16. Giải quyết việc làm mới 3.000 người (trong đó, xuất khẩu lao động 30 người).
17. Dạy nghề (kể cả tư nhân) 3.000 người.
18. Giảm tỷ lệ hộ nghèo trên 4%, trong đó, hộ Khmer trên 5%. Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo trên 2%.

### \* *Chỉ tiêu môi trường:*

19. Tỷ lệ cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường 99%.
20. Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 100%.
21. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ đạt tiêu chuẩn môi trường 99%.
22. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn đạt tiêu chuẩn môi trường 65%.
23. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại (rác thải y tế) 100%.
24. Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải 100%.



### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP:**

#### **1. Nông nghiệp và phát triển nông thôn:**

Tập trung thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 gắn với xây dựng nông thôn mới. Thực hiện điều chỉnh quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất tập trung hàng hóa gắn với nhu cầu thị trường, liên kết bao tiêu sản phẩm theo mô hình cánh đồng lớn; tăng cường giải pháp kết nối với các doanh nghiệp ký hợp đồng bao tiêu, đảm bảo đầu ra sản phẩm tạo sự yên tâm cho nông dân trong sản xuất.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các dự án như: Dự án chăn nuôi bò thịt, dự án phát triển nông nghiệp bền vững (VnSAT), dự án xây dựng cơ sở hạ tầng vùng trũng, dự án lúa đặc sản, gắn với quảng bá nhãn hiệu gạo Tài nguyên Thạnh Trị,... Chú trọng củng cố phát triển kinh tế hợp tác, chuỗi liên kết đầu tư - sản xuất - bao tiêu sản phẩm; hình thành một số hợp tác xã nông nghiệp, trang trại tiêu biểu để nhân rộng.

Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động Hợp tác xã, Tổ kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại và các mô hình sản xuất theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo tinh thần Nghị quyết số 02-NQ/HU và chương trình hành động của UBND huyện về Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015 - 2020

Tập trung các giải pháp chủ yếu trong xây dựng nông thôn mới, tăng cường tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân cùng tham gia; đối với các xã là điểm chỉ đạo thì phải xây dựng kế hoạch, có lộ trình cụ thể thực hiện trong giai đoạn 2019-2020; định hướng xây dựng nông thôn mới nâng cao đối với các xã đã được công nhận.

Liên hệ chặt chẽ các Viện, Trường, Trung tâm, Chi cục,... xây dựng các mô hình nhân giống, trao đổi giống, chuyển giao khoa học kỹ thuật, đồng thời chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, đề ra các giải pháp cụ thể phù hợp từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu để có biện pháp phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, tăng năng suất đối với cây trồng vật nuôi. Phối hợp với các Sở ngành liên quan làm tốt công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp tạo sự yên tâm cho người dân khi sử dụng nhất là phân bón và thuốc BVTV.

#### **2. Tài nguyên và môi trường:**

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai, quản lý đất công gắn với tài sản công. Quan tâm công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết kịp thời các yêu cầu của người dân có liên quan đến đất đai trong đó chú trọng đến công tác giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính của huyện và cấp xã (TT), đảm bảo lưu trữ hồ sơ đúng quy định.

Tập trung các giải pháp trong công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường, thu gom và xử lý rác thải; tuyên truyền vận động người dân nêu cao tinh thần trách nhiệm ý thức tự giác bảo vệ môi trường. Thường xuyên kiểm tra và kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm đến công tác bảo vệ môi trường. Theo dõi chặt chẽ và thường xuyên kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện tốt công tác đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

#### **3. Công nghiệp, thương mại và dịch vụ:**

Tập trung phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện theo tinh thần Kế hoạch số 55-KH/HU, ngày 13/11/2017 của Huyện ủy Thạnh Trị về thực

hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 17/7/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

Triển khai có hiệu quả Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó tập trung tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn; khuyến khích các hộ kinh doanh có điều kiện phát triển thành doanh nghiệp. Tăng cường công tác khuyến công, phát huy thế mạnh các ngành nghề truyền thống gắn với dịch vụ nhằm tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người dân. Tăng cường quản lý trật tự thương mại, triển khai các giải pháp phòng chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Tăng cường phối hợp với ngành chức năng tỉnh trong công tác duy tu sửa chữa hệ thống lưới điện, đảm bảo an toàn cho người dân khi sử dụng điện. Lắp đặt điện kế mới cho 100 hộ sử dụng, trong đó có 30 hộ khmer.

Tập trung các giải pháp lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ, đường thủy trên địa bàn huyện. Thực hiện tốt công tác phát hoang, duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông nông thôn; kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ và đường thủy nội địa. Sắp xếp trật tự mua bán, vệ sinh môi trường các điểm chợ, phục vụ tốt nhu cầu luân chuyển hàng hoá của người dân, tích cực tuyên truyền phòng, chống cháy nổ. Xúc tiến kêu gọi đầu tư cụm công nghiệp Phú Lộc; xã hội hóa đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng các chợ Phú Lộc, Hưng Lợi và Vĩnh Lợi. Tập trung công tác chỉnh trang đô thị chuẩn bị đón Tết nguyên đán Kỷ Hợi 2019.

#### **4. Tài chính - tín dụng và đầu tư công:**

Triển khai đồng bộ các giải pháp trong quản lý, điều hành ngân sách nhà nước đảm bảo đúng qui định pháp luật. Thực hiện thu ngân sách, thu hồi các khoản nợ đọng và các nguồn quỹ theo quy định, tạo môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển, đóng góp vào ngân sách địa phương; tập trung các biện pháp chống thất thu, xử lý nghiêm các trường hợp trốn thuế, gian lận thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, đạt chỉ tiêu tỉnh giao và nghị quyết HĐND. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế; thực hiện tốt các giải pháp tăng thu và kiểm soát chặt chẽ nguồn thu.

Thực hành tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đảm bảo nguồn chi hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn huyện. Chi ngân sách nhà nước tuân thủ đúng dự toán và quy định pháp luật, hạn chế tối đa việc chi quản lý hành chính phát sinh ngoài dự toán. Thực hiện nghiêm chế độ kế toán, chứng từ trong các cơ quan thụ hưởng ngân sách nhà nước.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn theo Luật Đầu tư công và kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020; các chương trình dự án đảm bảo kết cấu hạ tầng phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tăng cường công tác giám sát các dự án được triển khai, đảm bảo giải ngân đúng tiến độ, quyết toán đúng thời gian qui định; phát huy vai trò giám sát cộng đồng, tạo điều kiện cho nhân dân tham gia giám sát chất lượng công trình.

Các Tổ chức tín dụng trên địa bàn đảm bảo nguồn vốn phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh; tăng vốn tín dụng trung hạn, dài hạn để phục vụ đầu tư cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn. Tăng cường công tác thu nợ, hạn chế

tỷ lệ dư nợ quá hạn. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.

#### **5. Văn hóa - xã hội :**

Tiếp tục xác định công tác thông tin tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương là nhiệm vụ trọng tâm của huyện, trong đó quan tâm việc nâng cao chất lượng cũng như đổi mới phương thức tuyên truyền phải đa dạng về hình thức, sâu sắc về nội dung. Tổ chức hiệu quả các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT nhân các sự kiện trọng đại của đất nước và các dịp Lễ Tết diễn ra trên địa bàn. Phát huy hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa tại địa phương. Thực hiện đánh giá các tiêu chí ấp văn hóa, hộ văn hóa nông thôn mới theo Quyết định 217/QĐ-UBND, ngày 08/02/2017 của UBND tỉnh về việc Ban hành Tiêu chí hộ văn hóa nông thôn mới, ấp văn hóa nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020. Thực hiện Chương trình hành động số 12-Ctr/TU ngày 03/01/2017 của Tỉnh ủy Sóc Trăng về thực hiện Nghị định số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Tập trung đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. Thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2018-2019, trong đó tập trung công tác duy trì sĩ số học sinh, kết hợp chặt chẽ giữa gia đình- nhà trường - xã hội trong giáo dục rèn luyện đạo đức lối sống cho học sinh, kiên quyết chống tình trạng bạo lực học đường. Thường xuyên kiểm tra và kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục. Thực hiện tinh giản biên chế trong ngành giáo dục theo chỉ đạo của UBND tỉnh, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp; đồng thời tranh thủ các nguồn vốn để đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các điểm trường theo hướng đạt chuẩn quốc gia và xây dựng nông thôn mới.

Củng cố và phát triển mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân, tăng khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế thiết yếu, đặc biệt là các đối tượng chính sách và người nghèo, người dân tộc, vùng sâu, vùng xa với các dịch vụ chăm sóc y tế cơ bản, góp phần thực hiện định hướng công bằng và hiệu quả trong chăm sóc sức khỏe. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế như: tiêm chủng mở rộng (tiêm đủ liều vắc xin cho trẻ em dưới 1 tuổi đạt 99%), giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 10% và các chương trình y tế quốc gia khác. Tăng cường kiểm tra hoạt động các cơ sở y tế tư nhân và xử lý nghiêm các trường hợp không thực hiện ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại với Trung tâm y tế huyện để đảm bảo 100% chất thải nguy hại được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường. Tiếp tục triển khai các hoạt động về tuyên truyền, giáo dục, tư vấn kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu giảm tỷ suất sinh 0,05‰.

Triển khai thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Triển khai có hiệu quả các mô hình giảm nghèo, cận nghèo, đặc biệt quan tâm công tác giảm nghèo trong đồng bào dân tộc Khmer.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 28/8/2015 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện và chương trình hành động số 1282/CTr-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện về công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2015-2020. Triển khai có hiệu quả công tác điều tra, khảo

sát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn làm cơ sở để hướng dẫn các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với nhu cầu của người học nghề. Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động, chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn để tạo việc làm mới hoặc chuyển đổi việc làm góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông thôn; tăng cường sự phối hợp với doanh nghiệp giải quyết việc làm. Đưa thông tin tuyển chọn lao động ở các thị trường cho lao động có nhu cầu đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Điều tra, khảo sát nắm thực trạng hộ nghèo, phân loại hộ nghèo để có giải pháp hỗ trợ phù hợp thực tế.

#### **6. Quốc phòng - An ninh:**

Duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, đặc biệt là bảo vệ an toàn cao điểm các ngày Lễ, Tết và các sự kiện trọng đại của đất nước diễn ra trên địa bàn huyện. Xây dựng và triển khai kế hoạch huấn luyện các lực lượng đảm bảo quân số và chất lượng. Thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng địa phương. Hoàn thành chỉ tiêu tuyên truyền quân 2019, đảm bảo đúng quy trình và chất lượng. Tổ chức diễn tập đơn vị phòng thủ cấp huyện.

Công an, Quân sự phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành có liên quan thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đảm bảo ANCT, TTATXH trên địa bàn, không để phát sinh thành điểm nóng, bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Thực hiện tốt công tác quản lý địa bàn, đối tượng; đẩy mạnh công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với công tác củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các mô hình đảm bảo an ninh trật tự, phát huy hiệu quả mô hình camera an ninh. Tiếp tục mở các cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội, triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, kiểm chế và làm giảm tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí (số vụ, số người chết và số người bị thương).

#### **7. Thanh tra, Tư pháp, Nội vụ:**

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành trong giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, hạn chế thấp nhất đơn thư tồn đọng và khiếu nại vượt cấp; triển khai thực hiện thanh tra thường xuyên, theo kế hoạch.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí (công khai minh bạch trong hoạt động cơ quan, đơn vị, chuyển đổi vị trí công tác và kê khai tài sản, thu nhập cá nhân đúng quy định). Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi tiêu cực trong thực hiện nhiệm vụ, tham nhũng dưới mọi hình thức.

Tăng cường công tác phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở, phấn đấu hòa giải thành đạt tỷ lệ từ 90% trở lên. Tổ chức thực hiện tốt thi hành án dân sự, phấn đấu đạt chỉ tiêu được giao.

Tập trung thực hiện công tác cải cách hành chính theo tinh thần kế hoạch số 1136/KH-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện về thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016 - 2020; trong đó tập trung công tác cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa, một cửa liên thông" cấp huyện và "một cửa" cấp xã; tiếp tục thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động các cơ quan hành chính

nhà nước của các Ban ngành cấp huyện và 10/10 xã, thị trấn; phát huy hiệu quả công thông tin điện tử trong công khai thủ tục hành chính. Thực hiện tốt Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sóc Trăng, tiếp tục chỉ đạo nâng chất chỉ số cải cách hành chính huyện.

Thực hiện tốt công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo phân cấp. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đúng quy hoạch và đáp ứng trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quy định; tiếp tục thực hiện đề án tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đơn vị trong quản lý sử dụng cán bộ, công chức.

Triển khai thực hiện Đề án của Huyện ủy về thực hiện số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của Tỉnh ủy về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần nghị quyết số 18 và nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quy chế phối hợp công tác giữa Thường trực HĐND, UBND và Ban Thường trực UBMTTQ, Ban Dân vận Huyện ủy và các Đoàn thể chính trị - xã hội.

Trên đây là tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2018 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của huyện Thạnh Trị./.

**Nơi nhận :**

- TT. UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT.HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các ban, phòng, ngành cấp huyện;
- UBND các xã (TT);
- Lưu: VP(VT-NC).



**BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
ĐẠI BIỂU**

*Lương Vũ Phương*



**PHỤ LỤC**

**THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018**

theo báo cáo số: 271 /BC-UBND ngày 03/12/2018 của UBND huyện)

	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
<b>1. Giá trị sản phẩm thu hoạch/ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản</b>							
- Theo giá hiện hành	Triệu/ha	126,38	132	132,62	100,47	142	
<b>2. Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (giá so sánh 2010)</b>	tỷ đồng	2.782	2.818	2.818	100,0	3.022	
<b>3. Cây lúa</b>							
- <i>Lúa cả năm</i>							
+ Diện tích	Ha	55.385	55.000	55.550	101,0	54.932	
+ Năng suất	Tấn/ha	6,58	6,64	6,64	100,0	6,77	
+ Tổng sản lượng	Tấn	364.433	365.200	368.852	101,0	371.890	
TĐ: lúa đặc sản	%		80	70	87,5	80	
- <i>Lúa đông xuân</i>							
+ Diện tích	Ha	23.518	23.500	23.524	100,1	23.466	
+ Năng suất	Tấn/ha	7,00	7,2	7,06	98,06	7,2	
+ Sản lượng	Tấn	164.626	169.200	166.079	98,16	168.955	
- <i>Lúa xuân hè</i>							
+ Diện tích	Ha	8.349	8.000	8.502	106,28	8.000	
+ Năng suất	Tấn/ha	7,02	6,9	7,05	102,17	7,15	
+ Sản lượng	Tấn	58.610	55.200	59.939	108,59	57.200	
- <i>Lúa hè thu</i>							
+ Diện tích	Ha	23.518	23.500	23.524	100,10	23.466	
+ Năng suất	Tấn/ha	6	6,00	6,07	101,17	6,2	
+ Sản lượng	Tấn	141.108	141.000	142.791	101,27	145.489	
<b>4. Mù và cây công nghiệp ngắn ngày</b>	Ha	10.262	10.400	10.665	102,55	10.679	
- Năng suất	Tấn/ha	16,00	16,00	16,00	100,00	16	
- Sản lượng	tấn	164.192	166.400	170.640	102,55	170.864	
4.1 Mù lương thực	"	2.191					
4.2 Mù thực phẩm	"	8.071					
<b>5. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản</b>							
5.1 Đàn heo	Con	47.505	49.000	49.654	101,33	60.700	
5.2 Đàn trâu, bò	"	10.312	10.300	10.416	101,13	11.600	
+ TĐ : Bò	"	6.487	6.400	6.868	107,31	7.800	
5.3 Đàn gia cầm	1000 con	1.247	1.200	1.236	103,0	1.300	
5.4 Thủy sản	Ha						
- Diện tích nuôi thủy sản	"	4.850	4.000	4.028	100,70	4.000	

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
- Tổng sản lượng thủy sản	tấn	10.185	9.450	10.090	106,77	12.000	
<b>6. Hợp tác xã</b>	HTX	1				1	
		(lũy kế 14)	(lũy kế 14)	(lũy kế 13)		(lũy kế 14)	
<b>7. Xã đạt từ 19 tiêu chí NTM</b>	Xã		1	1	100,00	2	
- Xã đạt từ 16 tiêu chí NTM trở lên			5	5	100,00	3	
<b>8. GTSX công nghiệp</b>	Tỷ đồng	162	180	181	100,56	250	
		(giá 2010)	(giá 2010)	(giá 2010)			
+ Hộ có điện mới trong năm	Hộ	603	100	457	457,00	100	
+ Hộ có điện mới là hộ khmer	"	134	30	95	316,67	30	
<b>9. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội</b>	Tỷ đồng	4.000	3.900	4.170	106,92	4.000	
<b>10. Tổng thu ngân sách</b>	Triệu đồng	29.600	30.300	31.992	105,58	30.200	
<b>11. Giáo dục</b>							
<b>11.1. Học sinh năm học</b>	Học sinh	20.189	20.450	19.779	96,72	20.650	
- Mầm non	"	4.240	4.150	3.675	88,55	4.250	
+ Nhà trẻ	"	204	250	219	87,60	250	
+ Mẫu giáo	"	4.036	3.900	3.456	88,62	4.000	
- Tiểu học	"	8.403	8.550	8.746	102,29	8.900	
- Trung học cơ sở	"	5.314	5.450	5.192	95,27	5.250	
- Phổ thông trung học	"	2.232	2.300	2.166	94,17	2.250	
<b>11.2. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đi học</b>							
- Mầm non							
+ Nhà trẻ	%	14,47	15	15	100,00	15	
+ Mẫu giáo	"	92,57	93	88,69	95,37	93	
- Tiểu học	"	99,79	99,5	99,64	100,14	99,5	
- Trung học cơ sở	"	96,25	97	97,04	100,04	97	
- Phổ thông trung học	"	66,98	67	67	100,00	70	
<b>11.3. Giáo dục không chính quy</b>							
+ Phổ cập giáo dục tiểu học	Người	38	70	70	100,00	40	
+ Phổ cập giáo dục THCS	"	176	100	100	100,00	130	
+ Xoá mù chữ từ 15-35 tuổi	"	80	70	70	100,00	100	
<b>11.4. Xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục TH</b>	Xã	10	10	10	100	10	
- Xã, thị trấn đạt chuẩn GD tiểu học đúng độ tuổi	"	10	10	10	100	10	
<b>11.5. Xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập THCS</b>	"	10	10	10	100	10	
<b>12. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia</b>	%	55,32	59,57	58,69	100,00	68,89	
- Số Trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	2	2	2	100	3	
<b>13. Dân số - KHHGD</b>							
- Tăng dân số tự nhiên	%	0,96	0,94	0,94	100	0,93	

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
+ Tỷ suất sinh	%	13,45	13,36	13,36	100	13,31	
+ Tỷ suất tử	%	3,90	3,92	3,92	100	4,03	
- Giảm tỷ suất sinh	%	0,08	0,10	0,10	100	0,05	
- Tỷ lệ áp dụng b/pháp tránh thai hiện đại	%	75,00	74,68	74,68	100	74,70	
<b>14. Tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã</b>	%	90	100	100	100	100	
- Số xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế (theo tiêu chí mới)	Xã	9	10	10	100	10	
- Tỷ lệ xã có Bác sĩ phục vụ	%	70	90	90	100	100	
- Trẻ em < 5 tuổi SDD	%	13	12	12	100	10	
- Tiêm chủng đầy đủ trẻ em < 1 tuổi	%	99,6	99	99,3	100,30	99	
<b>15. Tỷ lệ số dân tham gia bảo hiểm y tế</b>	%	97,5	98	98,02	100,02	98	
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình	%	63,3	80,1	79,34	99,05	80,60	
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc	%		99,8	97,99	98,19	99,9	
<b>16. Giải quyết việc làm mới</b>	Người	3.240	2.000	2.259	112,95	3.000	
+ Xuất khẩu lao động	"	59	35	36	102,86	30	
<b>17. Dạy nghề (Kể cả dạy nghề tư nhân)</b>	"	3.215	650	1.549	238,31	3.000	
<b>18. Giảm tỷ lệ hộ nghèo (so với tổng số hộ)</b>	%	2,84	3	4,48	149,33	trên 4%	
(trong đó: giảm tỷ lệ hộ nghèo người Khmer)	"			7,04		trên 5%	
- Số hộ nghèo giảm trong năm	Hộ	704	667	1.030	154,42	1.018	
+ Hộ khmer	"	355	293	531	181,23	454	
- Số hộ nghèo cuối năm	"	3.567	2.900	2.571		1.553	
+ Hộ khmer	"	1.919	1.626	1.388		934	
- Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm	%	16,04	13,04	11,56		trên 2%	
- Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo (so với tổng số hộ)	"					2,05	
+ Số hộ cận nghèo giảm trong năm	Hộ					455	
+ Hộ cận nghèo cuối năm	"					2.454	
+ Tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm	%					11,03	
<b>19. Cơ sở SXKD đạt tiêu chuẩn môi trường</b>	%	99	99	99	100	99	
<b>20. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh</b>	%						
- Nông thôn	%	99,8	99,81	100	100,19	100	
<b>21. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, đô thị công nghiệp dịch vụ đạt tiêu chuẩn môi trường</b>	%	99	99	99	100	99	
<b>22. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn đạt tiêu chuẩn môi trường</b>	%	55	60	60	100	65	
<b>23. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại đạt tiêu chuẩn môi trường</b>	%		100	100	100	100	
<b>24. Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải</b>			100	100	100	100	

Ghi chú: Chỉ tiêu dân gia súc, gia cầm tính lũy kế; học sinh đầu năm học tính thời điểm 1/10; chỉ tiêu hộ nghèo tính thời điểm 30/10